

Số: 251/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22- 4 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Anh Doan

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Trần Thị Trúc P**, sinh năm 1982.

Bị đơn: ông **Phan Văn V**, sinh năm 1980.

Cùng nơi cư trú: **ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang**.

(bà **P** có đơn xin vắng mặt, ông **V** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trình bày:

Bà **P** và ông **V** sau thời gian tìm hiểu về tình cảm được sự chấp thuận của gia đình hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân tổ chức lễ cưới vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện P, tỉnh An Giang**, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 09/03/2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông **V** thường xuyên nhậu say về chửi mắng, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, ông **V** lại có tính ghen tuông vô cớ nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Bà **P** bỏ về cha mẹ ruột sống từ tháng 9/2023 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được. Bà P xin ly hôn với ông V.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Văn Đ, sinh ngày 28/6/2009 và Phan Minh T, sinh ngày 21/10/2005. Nay ly hôn bà Trúc P đồng ý giao cháu Đ cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Minh T đã trưởng thành, lao động được.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình tìm hiểu quen biết nhau và thời gian chung sống với nhau thống nhất như lời bà Trúc P trình bày. Chúng tôi tự quen nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2003, có đăng ký kết hôn tại xã P. Quá trình chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do trong lúc say xỉn tôi có chửi mắng vợ, ghen tuông là do vợ có điện thoại mờ ám với người khác, tôi nhiều lần nhắc nhở nhưng không sửa đổi. Sau đó tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9/2023 đến nay. Nay không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Trúc P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cho thấy bị đơn không chấp hành đúng quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn với ông Phan Văn V.

Về con chung: Ông Phan Văn V được tiếp tục nuôi con chung Phan Văn Đ, bà Trần Thị Trúc P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 09/03/2009 do Ủy ban nhân dân xã P cấp là hôn nhân hợp pháp. Bà P cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do rạn nứt tình cảm, không liên lạc với nhau và đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng bà P vẫn cương quyết ly hôn, ông V cũng không có giải pháp hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Ông Phan Văn V được tiếp tục nuôi con chung Phan Văn Đ, bà Trần Thị Trúc P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà P trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Trúc P

1. Về hôn nhân gia đình: bà Trần Thị Trúc P được ly hôn với ông Phan Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Văn Đ, sinh ngày 28/6/2009 cho ông Phan Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến thành niên hoặc tự lập được. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ: Ghi nhận bà P trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí: bà P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số 0006408 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông **Phan Văn V** không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Phú Bình, huyện Phú Tân
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Bảo Ngọc